TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HSST
Ngày: 15-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đắc Liệt
2. Ông Hồ Sỹ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2018/HSST ngày 08 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX–HSST ngày 26 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

T, sinh năm 1990 tại Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 13, thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Thuận; nơi ở khi bị bắt: đường D, phường TN, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 04/12; nghề nghiệp: tự do; con ông V và bà H; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 13/11/2017, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T (có mặt).

Bị hại: Anh VT, sinh năm: 1979. Địa chỉ: 240/24A Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh BR – VT. (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh H, sinh năm: 1984. Địa chỉ: đường Đ, phường T, thành phố T, tỉnh BR – VT. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 29/7/2017, T đi bộ trên đường BG thuộc khu vực ngã ba BT, thành phố T thấy anh VT (là người quen) đang trong tình trạng say rượu. Thấy

vậy, T đi đến nói chuyện với anh VT nên anh VT nhờ T chở anh đến chỗ làm ở số 214 đường G, phường T, thành phố T, T đồng ý. Anh VT đưa T chìa khóa chiếc xe mô tô hiệu Wave màu đỏ đen biển số 72L6-4953 của anh VT để T chở anh VT. Sau khi đến nơi, anh VT có nhờ M (không rõ lai lịch) chở T về nhà. Khi về đến nhà, T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe này của của anh VT vì T biết chiếc xe trên bị hư ổ khóa. Sau đó, T lấy chìa khóa nhà rồi đi xe ôm đến nơi anh VT làm việc. Khi đến nơi, thấy chiếc xe mô tô của anh VT để ở trong sân, không có người trông coi, T lén lút dùng chìa khóa nhà mở khóa xe nổ máy điều khiển cho xe chạy đến tiệm sửa khóa ở đường C (T không nhớ rõ tiệm) làm chìa khóa xe. T phát hiện trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe nên đã mang xe đến tiệm cầm đồ PA ở số đường Đ, phường T, thành phố T do anh H quản lý, cầm được 7.000.000 đồng và đã sử dụng hết số tiền này. Khi cầm chiếc xe, anh H không biết chiếc xe là do T trộm cắp mà có.

Tại Biên bản định giá tài sản số 03 ngày 10 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định chiếc xe máy hiệu Wave biển số biển số 72L6-4953 của anh VT trị giá 4.500.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, T đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình như trên (bút lục điều tra từ số 43 đến 48)

Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã thu giữ chiếc xe mô tô trên và ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho anh VT. Anh VT không yêu cầu gì thêm.

Anh H (quản lý tiệm cầm đồ PA) yêu cầu T phải bồi thường cho anh số tiền 7.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 07/02/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, đã truy tố bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên và thực sự ăn năn, hối hận, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo T về tội "Trộm cắp tài sản", đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; đề nghị xử phạt bị cáo T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù; xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh VT 01 xe máy hiệu Wave màu đỏ đen, biển số 72L6-4953, số khung: 2189Y008710, số máy C12E1208737, anh VT đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không đề xuất giải quyết gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận, đề nghị HĐXX buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 08 giờ ngày 29/7/2017, tại số 214 đường G, phường T, thành phố T, T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 mô tô hiệu Wave màu đỏ đen biển số 72L6-4953 trị giá 4.500.000 đồng của anh VT. Hành vi bị cáo thực hiện đủ dấu hiệu cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Xét hành vi phạm tội bị cáo chẳng những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý và áp dụng mức hình phạt phù hợp tương xứng với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội nhằm giáo dục riêng bị cáo, đồng thời bảo đảm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu. Năm 2018, bị TAND huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 (ba) tháng tù về tội "trộm cắp tài sản".

Về tình tiết giảm nhẹ: năm 2008 bị cáo bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng ở độ tuổi vị thành niên, áp dụng khoản 3 điều 7; điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự 2015 nên không coi là án tích đối với bị cáo. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng ; thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo nhận thức được sự khoan hồng của pháp luật mà chấp hành, cải tạo tốt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu, đề nghị gì nên không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh H yêu cầu bị cáo

bồi thường số tiền 7.000.000đ là tiền cầm xe. Bị cáo đồng ý nên ghi nhận, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh VT 01 xe máy hiệu Wave màu đỏ đen, biển số 72L6-4953, số khung 2189Y008710, số máy C12E1208737, anh Vt đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không giải quyết gì thêm.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo T **06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2017.

2. Trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999;, ghi nhận và buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh H 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

4. Về án phí: bị cáo T phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ (ba trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Bị cáo, người liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

1.